

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2020/DS-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Tấn Tài**;

2. Bà **Đào Thị Thu Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký Tòa án nhân dân h Ch M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân h Ch M – tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân h Ch M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị Phi Y**, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 8, ấp L Đ, xã L Đ A, h Ch M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1973; địa chỉ; ấp T L, xã T M, h Ch M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Đỗ Thị Phi Y** trình bày: Chị và anh T sống chung với nhau năm 2003, vợ chồng không đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống chung không có tình cảm, bất đồng quan điểm, anh T hay đánh đập chị mỗi khi uống rượu về, tuy mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn sống chung trong nhà, anh T đi vài ngày về một lần. Nay thấy tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2004, hiện nay sống chung với vợ chồng, khi ly hôn chị Y đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Phi Y xác định không có.

Về nợ chung: Chị Đỗ Thị Phi Y xác định không có.

Tại biên bản lấy lời khai anh Bùi Văn T trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị Y về thời gian sống chung, anh và chị Y không đăng ký kết hôn, anh và chị Y không có mâu thuẫn gì, vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Nay vợ xin ly hôn anh không đồng ý, anh còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2004, hiện nay sống chung với vợ chồng, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn T xác định không có.

Về nợ chung: Anh Bùi Văn T xác định không có.

Anh Bùi Văn T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Đỗ Thị Phi Y khởi kiện anh Bùi Văn T cư trú ấp T L, xã T M, h Ch M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân h Ch M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Y và anh T sống chung với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Y và anh T là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2004, hiện nay sống chung với vợ chồng, Khi ly hôn chị Y đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T nhưng không ghi nhận được ý kiến của cháu. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị Y cũng đồng ý để anh T được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, anh T không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, việc giao

con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu T sống chung với vợ chồng. Tại phiên Tòa chị Y cũng đồng ý để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Phi Y không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến phản đối. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Đỗ Thị Phi Y, anh Bùi Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Đỗ Thị Phi Y, anh Bùi Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Y, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Y, anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Phi Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Phi Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị Phi Y và Bùi Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Bùi Văn T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 10/7/2004. Chị Đỗ Thị Phi Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Phi Y, anh Bùi Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đỗ Thị Phi Y, anh Bùi Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Phi Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008284 ngày 04/5/2020 của Chi cục T hành án dân sự h Ch M, tỉnh An Giang. Chị Đỗ Thị Phi Y không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h Ch M;
- Chi cục THADS h Ch M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

